

Thông báo tuyển sinh Đại học chính quy năm 2025

Thứ sáu - 20/06/2025 15:26

Trường Đại học Bình Dương thông báo tuyển sinh trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy năm 2025, cụ thể như sau:

Tên trường: Trường Đại học Bình Dương

Mã tuyển sinh: DBD

1. Đối tượng tuyển sinh:

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương từ năm 2025 trở về trước.

2. Phương thức tuyển sinh:

Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025

Phương thức 2: Xét kết quả học bạ THPT (theo Quy chế Tuyển sinh 2025 của Bộ GD&ĐT)

— Xét tuyển dựa vào kết quả học tập năm lớp 12.

— Xét tuyển dựa vào điểm trung bình cao nhất các môn học của học kỳ 1,2 lớp 10, kỳ 1,2 lớp 11, kỳ 1,2 lớp 12 (xét theo học bạ THPT-6HK)

Phương thức 3: Xét kết quả thi Đánh giá năng lực của ĐHQG TP. HCM năm 2025

3. Danh mục Ngành tuyển sinh:

STT	Ngành học	Mã ngành	Khối lượng kiến thức tối thiểu cần tích lũy	Tổ hợp xét tuyển
1	Nhật Bản học	7310613	120 tín chỉ	A01; C00; D01; D14; D15; D66
2	Hàn Quốc học	7310614	120 tín chỉ	A01; C00; D01; D14; D15; D66
3	Công nghệ Thực phẩm - Công nghệ Thực phẩm - Công nghệ thực phẩm – Kinh doanh - Công nghệ Chế biến Thịt và Thủy hải sản	7540101	120 tín chỉ	A00; B00; B03; C02; C14; D01
4	Logistics và Quản lý Chuỗi Cung ứng - Logistics và Quản lý Chuỗi Cung ứng - Logistics và Công nghệ Tự động hóa	7510605	120 tín chỉ	A00; A01; C01; C14; D01; D66
5	Tài chính - Ngân hàng	7340201	120 tín chỉ	A00; C01; C03; C04; C14; D01

6	Luật	7380101	120 tín chỉ	A00; C00; C03; C04; C14; D01
7	Luật Kinh tế	7380107	120 tín chỉ	A00; C00; C03; C04; C14; D01
8	Quản trị Kinh doanh - Quản trị Doanh nghiệp - Quản trị Marketing - Quản trị Logistics	7340101	120 tín chỉ	A00; C01; C03; C04; C14; D01
9	Công nghệ Thông tin - Robot và Trí tuệ nhân tạo - Kỹ Thuật Phần mềm - Hệ thống Thông tin - Thiết kế Đồ họa - Khoa học Dữ liệu - Mạng Máy tính và An toàn Thông tin	7480201	120 tín chỉ	A00; C01; C03; C04; C14; D01
10	Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng - Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp - Kinh tế Xây dựng - Công trình Giao thông Đô thị	7510102	150 tín chỉ	A00; C01; C03; C04; C14; D01
11	Kiến trúc - Thiết kế Kiến trúc và Công trình bền vững - Thiết kế Nội thất	7580101	150 tín chỉ	A00; C01; C03; C04; C14; D01
12	Ngôn ngữ Anh - Giảng dạy - Tiếng Anh Thương mại – Văn phòng	7220201	120 tín chỉ	A01; D01; D07; D14; D15; D66
13	Dược học - Quản lý và Cung ứng Thuốc - Sản xuất và Phát triển Thuốc - Dược liệu và Dược Cổ truyền	7720201	150 tín chỉ	A00; B00; B03; C02; C08; D07
14	Kế toán	7340301	120 tín chỉ	A00; C01; C03; C04; C14; D01
15	Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử - Điện Công nghiệp - Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa - Kỹ thuật Robot - Hệ thống Nhúng và IoT - Cơ điện tử - Công nghệ Vi mạch Bán dẫn	7510301	150 tín chỉ	A00; C01; C03; C04; C14; D01
16	Công nghệ Kỹ thuật Ô tô	7510205	150 tín chỉ	A00; C01; C03; C04; C14; D01
17	Xã hội học - Truyền thông Đa phương tiện	7310301	120 tín chỉ	A00; C01; C03; C04; C14; D01

18	Hoá dược - Phân tích và Kiểm nghiệm - Bảo chế và Phát triển Thuốc	7720203	120 tín chỉ	A00; B00; B03; C02; C08; D07
----	---	---------	-------------	---------------------------------

4. Khối, môn xét tuyển:

Tổ hợp	Môn 1	Môn 2	Môn 3
A00	Toán	Vật lý	Hóa học
A01	Toán	Vật lý	Tiếng Anh
B00	Toán	Hóa học	Sinh học
B03	Toán	Sinh học	Ngữ văn
C00	Ngữ văn	Toán	Địa lý
C01	Ngữ văn	Toán	Vật lý
C02	Ngữ văn	Toán	Hóa học
C03	Ngữ văn	Toán	Lịch sử
C04	Ngữ văn	Toán	Địa lý
C08	Ngữ văn	Hóa học	Sinh học
C14	Ngữ văn	Toán	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật
D01	Ngữ văn	Toán	Tiếng Anh
D07	Toán	Hóa học	Tiếng Anh
D14	Ngữ văn	Lịch sử	Tiếng Anh
D15	Ngữ văn	Địa lý	Tiếng Anh
D66	Ngữ văn	Giáo dục Kinh tế và Pháp luật	Tiếng Anh